

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-7-2022

V/v ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Minh Thông;
2. Ông Bò Quốc Khánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, về việc: Ly hôn, tranh chấp người nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị H**, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn B**, sinh năm 1975; Nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; địa chỉ tạm trú hiện nay: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, ngày 14 tháng 02 năm 2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị H trình bày:

Bà H và bị đơn là ông Trần Văn B tìm hiểu và quen biết nhau từ năm 2011 khi hai người còn đi hợp tác lao động tại nước ngoài (Singapore). Cuối năm 2013, bà H và ông B kết hôn quyết định chung sống chung nhà tại gia đình bà H thuộc ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Việc sống chung có đăng ký kết hôn

tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 05/2014, quyển 01 do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 09/01/2014. Quá trình sống chung, bà H và ông B có 01 con chung là cháu Trần Thanh N, sinh ngày 06/02/2014, hiện đang do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng. Từ khi sinh cháu N đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột nên không thể tiếp tục sống chung. Nguyên nhân do ông B không lo làm ăn để phụ giúp gia đình, thường xuyên uống rượu với bạn bè, bỏ mặc vợ con muốn sống ra sao thì sống. Nhận thấy, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn B. Sau khi ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Trần Thanh N, sinh ngày 06/02/2014, không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, cán bộ Tòa án đã đến nơi ở của bị đơn là ông Trần Văn B tại ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương để tổng đạt các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa...v.v.), nhưng không thể tiếp cận được bị đơn do ông B thường xuyên đi vắng. Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng nêu trên tại nơi ở của bị đơn, trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện B và trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng bị đơn là ông Trần Văn B không đến Tòa án tham gia tố tụng, tham dự phiên tòa và cũng không gửi văn bản cho Tòa án phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị H.

Qua xác minh các tổ chức đoàn thể, chính quyền địa phương thuộc ấp C, xã T nơi vợ chồng bà H, ông B thường xuyên sinh sống được biết việc ông B, bà H có xảy ra mâu thuẫn nhưng gia đình tự giải quyết không nhờ chính quyền địa phương can thiệp.

Tại biên bản ngày 31/5/2022, con chung của bà H, ông B là cháu Trần Thanh N, sinh năm 2014 (trên 07 tuổi) nêu nguyện vọng muốn mẹ là bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trong trường hợp cha, mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn Huỳnh Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông Trần Văn B, yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung và không bổ sung, rút, thay đổi yêu cầu nào khác.

- Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa xác định từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đối với vụ án. Nguyên đơn Huỳnh Thị H đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn Trần Văn B

đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng cố tình không đến Tòa án làm việc, tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa và không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đối với việc khởi kiện của nguyên đơn là không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đại diện Viện Kiểm sát không kiến nghị khắc phục gì khác. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị H đối với bị đơn ông Trần Văn B về việc xin ly hôn, người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Trần Văn B có nơi cư trú tại ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương và tại thời điểm bà Huỳnh Thị H khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Văn B, bị đơn có đăng ký tạm trú tại ấp C, xã T, huyện B. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Bị đơn Trần Văn B tạm trú tại ấp C, xã T, huyện B nhưng thường xuyên vắng nhà nên cán bộ Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng theo hình thức trực tiếp cho bị đơn. Việc tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn được thực hiện qua hình thức niêm yết công khai đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng bị đơn không hợp tác, không đến Tòa án tham gia tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Trần Văn B.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, bà H và ông B sống chung có đăng ký kết hôn vào tháng 01 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B là hôn nhân hợp pháp, đúng quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Việc bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông B khi vợ chồng không còn hạnh phúc là phù hợp quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bà H trình bày lý do bà xin ly hôn ông B vì giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ cuối năm 2014 đến nay nhưng không thể hàn gắn. Vợ chồng ngày càng xa lánh, không muốn nói chuyện cùng nhau, ông B bỏ mặc vợ con muốn sống ra sao thì sống, riêng ông B chỉ quan tâm đến bạn bè ngoài xã hội để rượu chè, vui chơi không lo làm ăn, không giúp đỡ, tạo điều kiện cho gia đình phát triển kinh tế, đời sống. Ông B không đến Tòa án làm việc, hòa giải, tham gia xét xử và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án phản đối lý do, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phải ly hôn nhau. Xét thấy có đủ căn cứ xác định đời sống chung giữa vợ chồng bà H, ông B đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung và không

còn hạnh phúc. Do vậy, việc bà H yêu cầu ly hôn ông B là đủ căn cứ để Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn: Tại biên bản lấy lời khai cháu Trần Thanh N, sinh ngày 06/02/2014 là con chung trên 07 tuổi của bà H, ông B, cháu N nêu nguyện vọng muốn mẹ ruột là bà Huỳnh Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong trường hợp cha mẹ không tiếp tục sống chung. Xét thấy, cần giao cháu N cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ thuận lợi hơn về mọi mặt cho cháu N và phù hợp nguyện vọng của cháu N đã trình bày tại Tòa án. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao cháu N cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông Bình phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Bà Huỳnh Thị H phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các điều 57, 58, 59, 82, 83, 84, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1/. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H đối với ông Trần Văn B về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị H được ly hôn với ông Trần Văn B.

1.2. Về con chung: Bà Huỳnh Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trần Thanh N, sinh ngày 06/02/2014.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Huỳnh Thị H không yêu cầu ông Trần Văn B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Ông Trần Văn B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm non con chung, không ai được quyền ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung của ông B. Trường hợp ông Trần Văn B lợi dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn cho bà

H trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết hạn chế quyền thăm nom con của ông B. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi một trong các đương sự hoặc cả hai đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

1.5. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/ 0009962 ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS H. Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSPA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thanh**